

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2025/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Hà Giang (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời chịu sự chỉ đạo,

hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở quản lý chuyên ngành liên quan.

2. Chức năng

Chức năng của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 63 của Luật Xây dựng và khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

a) Làm chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và các nguồn vốn khác do người quyết định đầu tư giao;

b) Tiếp nhận, quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng và các quy định pháp luật khác liên quan;

d) Bàn giao công trình cho cơ quan, đơn vị quản lý vận hành, khai thác sử dụng; trường hợp cần thiết được người quyết định đầu tư giao thì trực tiếp quản lý vận hành, khai thác sử dụng công trình.

đ) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

e) Thực hiện các dịch vụ tư vấn của các chủ đầu tư khác và có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý dự án đã được giao.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Quyền, nghĩa vụ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng cụ thể như sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư gồm.

a) Lập kế hoạch dự án: Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng: Thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác;

c) Các nhiệm vụ thực hiện dự án: Thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo

hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác;

d) Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình;

đ) Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban quản lý theo quy định;

e) Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh; Quản lý về tài chính, tài sản của Ban quản lý; Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; Cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban quản lý theo yêu cầu của người quyết định đầu tư và của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

f) Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án gồm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng;

b) Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

3. Quyền và nghĩa vụ của dịch vụ tư vấn quản lý dự án

a) Quyền hạn:

- Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn được giao;

- Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm tư vấn của mình theo quy định của pháp luật;

- Từ chối thực hiện yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư;

- Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng đã được ký kết phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật;



- Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc theo hợp đồng đã được ký kết;
- Bồi thường thiệt hại khi sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, tổ chức quản lý không phù hợp và vi phạm hợp đồng làm thiệt hại cho chủ đầu tư;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng và của pháp luật có liên quan.

4. Quyền và nghĩa vụ của dịch vụ tư vấn giám sát

a) Quyền hạn:

- Tham gia nghiệm thu, xác nhận công việc, công trình đã hoàn thành thi công xây dựng;
- Yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện đúng thiết kế được phê duyệt và hợp đồng thi công xây dựng đã ký kết;
- Bảo lưu ý kiến đối với công việc giám sát do mình đảm nhận;
- Tạm dừng thi công trong trường hợp phát hiện công trình có nguy cơ xảy ra mất an toàn hoặc nhà thầu thi công sai thiết kế và thông báo kịp thời cho chủ đầu tư để xử lý;
- Từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên có liên quan;
- Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện giám sát theo đúng hợp đồng;
- Không nghiệm thu khối lượng không bảo đảm chất lượng; không phù hợp với tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật và theo yêu cầu của thiết kế công trình;
- Từ chối nghiệm thu khi công trình không đạt yêu cầu chất lượng;
- Đề xuất với chủ đầu tư những bất hợp lý về thiết kế xây dựng;
- Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường;
- Bồi thường thiệt hại khi làm sai lệch kết quả giám sát đối với khối lượng thi công không đúng thiết kế, không tuân theo tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, nhưng người giám sát không báo cáo với chủ đầu tư hoặc người có thẩm quyền xử lý và hành vi vi phạm khác do mình gây ra;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Quyền và nghĩa vụ của dịch vụ tư vấn khảo sát xây dựng

a) Quyền hạn:

- Yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan cung cấp số liệu, thông tin liên quan theo quy định của hợp đồng để thực hiện khảo sát xây dựng;
- Từ chối thực hiện yêu cầu ngoài hợp đồng khảo sát xây dựng;

- Thuê nhà thầu phụ thực hiện khảo sát xây dựng theo quy định của hợp đồng khảo sát xây dựng;

- Các quyền khác theo quy định của hợp đồng và của pháp luật có liên quan.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện đúng yêu cầu khảo sát xây dựng theo quy định của Luật này và hợp đồng khảo sát xây dựng;

- Đề xuất, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế;

- Chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát xây dựng và chất lượng khảo sát do mình thực hiện; chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng khảo sát của nhà thầu phụ (nếu có) và kết quả khảo sát của nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ khi tham gia khảo sát xây dựng phải chịu trách nhiệm về kết quả khảo sát trước nhà thầu chính và trước pháp luật;

- Bồi thường thiệt hại khi thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát xây dựng không phù hợp và vi phạm hợp đồng khảo sát xây dựng;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng và của pháp luật có liên quan.

6. Quyền và nghĩa vụ của dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng

a) Quyền hạn:

- Yêu cầu chủ đầu tư và các bên liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác thiết kế xây dựng;

- Từ chối thực hiện yêu cầu ngoài nhiệm vụ thiết kế xây dựng và ngoài hợp đồng thiết kế xây dựng;

- Quyền tác giả đối với thiết kế xây dựng;

- Thuê nhà thầu phụ thực hiện thiết kế xây dựng theo quy định của hợp đồng thiết kế xây dựng;

- Các quyền khác theo quy định của hợp đồng thiết kế xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Nghĩa vụ:

- Chỉ được nhận thầu thiết kế xây dựng phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề thiết kế xây dựng;

- Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật cho công trình; lập hồ sơ thiết kế xây dựng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, bước thiết kế, quy định của hợp đồng thiết kế xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế do mình đảm nhận trong đó bao gồm nội dung quy định tại Điều 79 và Điều 80 của Luật xây dựng 2014; chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế của nhà thầu phụ (nếu có). Nhà



thầu phụ khi tham gia thiết kế xây dựng phải chịu trách nhiệm về kết quả thiết kế trước nhà thầu chính và trước pháp luật;

- Giám sát tác giả thiết kế xây dựng trong quá trình thi công xây dựng;
- Không được chỉ định nhà sản xuất cung cấp vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng trong nội dung thiết kế xây dựng của công trình sử dụng vốn nhà nước;
- Bồi thường thiệt hại khi đề ra nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình và vi phạm hợp đồng thiết kế xây dựng;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng thiết kế xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Quyền và nghĩa vụ của dịch vụ tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng

a) Quyền hạn:

- Yêu cầu chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân lập thiết kế xây dựng cung cấp, giải trình, làm rõ các thông tin làm cơ sở cho công tác thẩm tra;
- Bảo lưu kết quả thẩm tra, từ chối thực hiện yêu cầu làm sai lệch kết quả thẩm tra hoặc các yêu cầu vượt quá năng lực, phạm vi công việc thẩm tra.

b) Nghĩa vụ

- Thẩm tra thiết kế xây dựng theo phạm vi yêu cầu của chủ đầu tư;
- Giải trình, làm rõ kết quả thẩm tra làm cơ sở cho công tác thẩm định của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả công việc do mình thực hiện.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc, hợp đồng lao động

1. Lãnh đạo Ban quản lý gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý gồm 05 phòng:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính.
- b) Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Tài chính.
- c) Phòng Quản lý dự án và dịch vụ tư vấn 1.
- d) Phòng Quản lý dự án và dịch vụ tư vấn 2.
- e) Phòng Quản lý dự án và dịch vụ tư vấn 3.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.
2. Bãi bỏ Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Giang; Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Hà Giang; Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Hà Giang; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH;
- Các Sở và cơ quan ngang sở thuộc tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- BQL dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin-Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc